SỞ Y TẾ ĐẮK LẮK
BỆNH VIỆN SẢN - NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 119 /TM-BVSN

Đắk Lắk, ngày *11* tháng 11 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Đắk Lắk có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 03-VT/2027: Mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh năm 2027, 2028 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Nguyễn Thị Thanh Thuỷ Chức vụ: Văn Thư Phòng TCHC

Điện thoại: 0257.3835106

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: tầng 10 - Phòng văn thư - Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: 52 An Dương Vương, Phường Bình Kiến, tỉnh Đắk Lắk.

(Báo giá ghi rõ nội dung: "Báo giá cho gói thầu số 03-VT/2027 của phòng VTTBYT)

- Nhận qua email: sannhiphuyen@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 12 tháng 11 năm 2026 đến trước 17 giờ ngày 23 tháng 11 năm 2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét

5. Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục vật tư. (*Theo Phụ lục 1 đính kèm)*

2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản hóa chất:

+ Địa điểm cung cấp: tầng 9 - kho VT-TBYT Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

+ Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến kho VT-TBYT thuộc Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 02 năm (dự kiến từ tháng 04/2027 đến tháng 04/2029)

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng

- Phương thức thanh toán:

+ Hình thức thanh toán: chuyển khoản 100%

+ Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VND).

+ Thời hạn thanh toán: không quá 90 ngày kể từ ngày cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ

5. Thông tin khác: đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam cung cấp đầy đủ thông tin (*Theo Phụ lục 2 đính kèm*)

Nơi nhận:
- Như trên;
- BGĐ (*để biết*);
- Web BV, Web Sở YT, Web Bộ Y tế;
- https://muasamcong.mpi.gov.vn/
- Lưu P.VT-TBYT, VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
BỆNH VIỆN SẢN-NHI TỈNH ĐẮK LẮK

Đặng Văn Phát

Phụ lục 1

DANH MỤC VẬT TƯ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 119 /TM-BVSN ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
I	**NHÓM BÔNG (GÒN), TĂM BÔNG VÔ TRÙNG**					
1	Bông không thấm nước (Bông mỡ)	Bông không thấm nước được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên. Màu trắng ngà, có dạng dải được quấn thành khối hình trụ, không xơ thừa. Độ ẩm ≤ 8%, tro toàn phần ≤ 2,5%. Bì 1kg		ISO 13485; FDA của Mỹ	Kg	26
2	Bông y tế thấm nước	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị tơi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước: ≤ 0,5%; Độ ẩm: ≤ 8%.		ISO 13485; FDA của Mỹ	Kg	180
3	Tăm bông lấy mẫu vô trùng	Gồm: Ống nhựa PP, nắp nhựa, que gỗ cứng hoặc nhựa, đầu bông nhỏ phù hợp lấy mẫu dịch âm đạo, không cần môi trường chuyên chở. Được tiệt trùng và đóng gói từng cái riêng biệt.		ISO 13485	Que	3.500
4	Gòn quấn không tiệt trùng fi:1,5 x 3cm (Bông làm thuốc)	Bông xơ tự nhiên 100% cotton, đường kính 1,5cm± 0,2cm, dài 3cm±0,2cm, có khả năng thấm hút, màu trắng, sợi mảnh, mềm, không mùi và không lẫn tạp chất. Đóng gói: 500gram/túi, không tiệt trùng		ISO 13485	Kg	360
5	Gòn chích 3x3 cm không tiệt trùng (Bông tiêm thuốc)	Bông xơ tự nhiên 100% cotton, kích thước 3cm x 3cm, có khả năng thấm hút, màu trắng, sợi mảnh, mềm, không mùi và không lẫn tạp chất. Đóng gói 500gram/túi, không tiệt trùng.		ISO 13485	Kg	180

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
6	Gòn quấn không tiệt trùng fi: 1,5x2cm (Bông thay băng)	Bông xơ tự nhiên 100% cotton, đường kính 1,5cm± 0,2cm, dài 2cm±0,2cm, có khả năng thấm hút, màu trắng, sợi mảnh, mềm, không mùi và không lẫn tạp chất. Đóng gói: 500gram/túi, không tiệt trùng		ISO 13485	Kg	250
7	Gạc hút tiệt trùng 15x7cm x 12 lớp	Chất liệu: Gạc y tế được dệt từ 100% sợi cotton, màu trắng, thấm hút tốt. Kích thước: (15x7cm) ±1cm x 12 lớp. Tiệt trùng.		ISO 13485	Miếng	96.000
II	**NHÓM BĂNG, GẠC, VẬT LIỆU CẦM MÁU, ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG**					
8	Băng bột bó xương (10 cm x 4,5m)	Làm từ bột thạch cao liền gạc. Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 10cm, chiều dài ≥ 4,5m.		ISO 13485	Cuộn	1.600
9	Băng keo cá nhân	Chiều rộng ≥ 19mm, chiều dài ≥ 60mm.		ISO 13485	Miếng	6.000
10	Băng thun 10cm x 3m (Kích thước chưa kéo giãn)	Băng thun 3 móc. Kích thước 10cm x 3m.		ISO 13485	Cuộn	2.200
11	Băng keo lụa 1,25cm x 5m	Nền bằng lụa trắng, 100 % sợi cellulose acetate. Lõi nhựa. Lớp keo Oxide kẽm không dùng dung môi. Lực dính 1.8 - 5.5 N/cm. Kích thước: 1,25cm x 5m		ISO 13485	Cuộn	14.000
12	Băng keo lụa 2,5cm x 5m	Nền bằng lụa trắng, 100 % sợi cellulose acetate. Lõi nhựa. Lớp keo Oxide kẽm không dùng dung môi. Lực dính 1.8 - 5.5 N/cm. Kích thước: 2,5cm x 5m		ISO 13485	Cuộn	1.000

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
13	Băng keo cuộn co giãn 10 cm x 10 m	Kích thước: 10 cm x 10 m. Băng cấu tạo polyester không đan dệt, co giãn, thông thoáng. Keo Acrylic, độ dính tốt, có vạch chia kích thước tiện cắt băng.		ISO 13485; CE	Cuộn	400
14	Băng y tế (7cm x 2,5m)	Nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton. Kích thước: 7cm x 2,5m.		ISO 13485	Cuộn	1.000
15	Gạc lưới vô trùng chống dính	Băng vết thương, kích thước 10cm x 10cm. Thành phần: Polyester, Hydrocolloid, Vaseline, Carboxymethyl cellulose, Parafin, Polymer		ISO 13485	Miếng	100
16	Gạc hút y tế (khổ 0,8m-1m)	Nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton, khổ 0,8m-1m.		ISO 13485	Mét	36.000
17	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp, cản quang vô trùng	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp, cản quang vô trùng.		ISO 13485	Miếng	100.000
18	Vật liệu cầm máu bằng collagen	Vật liệu cầm máu bằng gelatin. Kích thước: ≥ 7cm x 5cm x 1cm.		ISO 13485; CE	Miếng	50
III	**NHÓM BƠM TIÊM, KIM TIÊM, DÂY TRUYỀN, GĂNG TAY VÀ VẬT TƯ Y TẾ SỬ DỤNG TRONG CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH**					

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
19	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 26Gx1/2. Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, không DEHP, không độc, không gây sốt	Việt Nam	ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu/FDA	Cây	50.000
20	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 25G. Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, không DEHP, không độc, không gây sốt	Việt Nam	ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu/FDA	Cây	300.000
21	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml, cỡ kim 25G. Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, không DEHP, không độc, không gây sốt	Việt Nam	ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu/FDA	Cây	200.000
22	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G. Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, không DEHP, không độc, không gây sốt	Việt Nam	ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu/FDA	Cây	30.000
23	Bơm tiêm 50ml	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, không DEHP, không độc, không gây sốt	Việt Nam	ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu/FDA	Cây	12.000

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
24	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Chất liệu nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, không DEHP, không độc	Việt Nam	ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu/FDA	Cây	200
25	Kim cánh bướm	Đầu kim sắc nhọn, 3 mặt vát. Chuôi kim bằng polypropylene, trong suốt. Có gắn dây nối làm bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥ 30 cm, chống xoắn, mềm dẻo, trong suốt. Kích cỡ 25G x 3/4 in.		ISO 13485	Cái	22.000
26	Kim lấy thuốc	Số 18G, số 20G.		ISO 13485	Cái	230.000
27	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cổng số 18G, 20G	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa tiêm thuốc. Catheter được làm bằng chất liệu FEP. Kim làm bằng thép không gỉ được cắt vát 3 lần, cổng bơm thuốc được trang bị van silicon một chiều. Có thể lưu kim tới 96 giờ. Các số: 18G (OD: 1,3 x 45mm) dòng chảy 90 ml/phút, 20G (OD: 1,1 x 32mm) dòng chảy 61 ml/phút.		ISO 13485, CE	Cái	19.000
28	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cổng số 22G, 24G	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa tiêm thuốc. Catheter được làm bằng chất liệu FEP. Kim làm bằng thép không gỉ được cắt vát 3 lần, cổng bơm thuốc được trang bị van silicon một chiều. Có thể lưu kim tới 96 giờ. Các số: 22G (OD: 0,9 x 25mm) dòng chảy 36 ml/phút, 24G (OD: 0,7 x 19mm) dòng chảy 23 ml/phút.		ISO 13485, CE	Cái	20.000
29	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, không cổng số 24G	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh, không có cổng tiêm thuốc. Cathether nhựa có 4 đường cản quang ngầm, chất liệu FEP. Đầu kim hình côn cắt mặt sau, vát 2 cấp, làm bằng thép không gỉ 304 tráng sillicon để giảm đau. Có thể lưu kim tới 96 giờ. Kích thước: Số 24G (0,7mm x 19mm). Tốc độ chảy 22ml/phút		ISO 13485, CE	Cái	10.000
30	Kim chích máu	Dùng lấy mẫu máu mao mạch từ đầu ngón tay hoặc gan bàn tay. Kim gồm hai phần: Thân bằng nhựa y tế; đầu kim làm bằng kim loại tiệt trùng, được bảo vệ bằng chụp nhựa y tế tiệt trùng. Kích thước đầu kim (Cỡ kim): 28G		ISO 13485	Cái	2.400

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
31	Kim chọc dò và gây tê tủy sống các số	Kích thước: 22G/27G x 3 1/2 in. Đầu kim 3 mặt vát, bén. Thành kim mỏng. Đốc kim Polypropylene (PP) trong suốt dễ quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn.	Nhóm G7	ISO 13485	Cái	6.000
32	Dây nối truyền dịch (dài 70 - 75 cm)	Kích thước Dài 70-75cm. Dây nối máy bơm tiêm điện, hai đầu có khóa vặn xoắn Luer Lock, có khoá dừng. Dây chất liệu PVC, dây mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. Đường kính trong ≤ 0,9mm. Đường kính ngoài ≤ 1,9mm. Tốc độ ≥ 0,9ml/phút		ISO 13485	Sợi	12.000
33	Dây nối truyền dịch (dài 140 - 150cm)	Kích thước: 140cm-150cm, Dây nối máy bơm tiêm điện, hai đầu có khóa vặn xoắn Luer Lock, có khoá dừng. Dây chất liệu PVC, dây mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. Đường kính trong ≤ 0,9mm. Đường kính ngoài ≤ 1,9mm. Tốc độ ≥ 0,9ml/phút		ISO 13485	Sợi	6.700
34	Dây truyền dịch có kim	Dây truyền dịch sử dụng một lần, đầu xoắn (Luer lock) - kim thường kích thước kim 23Gx1. Dây dẫn sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng, dây dài ≥ 1.500mm, không có chất DEHP. Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8,5ml, có bầu cao su tiếp thuốc. Sử dụng được cho máy truyền dịch Terumo tại bệnh viện.		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Sợi	50.000
35	Dây truyền dịch 60 giọt/ml	Dây truyền dịch loại 60 giọt/ml, không có chất DEHP. Có bộ điều chỉnh giọt chính xác, cổng bơm thuốc chữ Y. Dây truyền làm từ nguyên liệu PVC y tế .		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Sợi	5.000
36	Dây truyền máu	Ống nhựa PVC mềm dẻo, trong suốt, chống gấp khúc, dài ≥ 1500mm. Có bầu lọc. Kim tiêm 18G x 1,5".		ISO 13485	Sợi	2.500
37	Khóa 3 chạc có dây	Chất liệu nhựa, khóa 3 chia có 2 đầu khóa luer lock điều chỉnh; Dây nối dài ≥ 25cm trong suốt, đầu dây có khóa vặn. Đóng gói tiệt trùng từng cái		ISO 13485	Sợi	1.100

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
38	Găng tay khám, có bột	Size S, M, L. Găng tay cao su y tế có bột. Làm từ cao su thiên nhiên. Chiều dài ≥ 240mm.	Việt Nam	ISO 13485	Đôi	375.000
39	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Chất liệu cao su thiên nhiên, tiệt trùng, có bột. Các số 6,5; 7; 7,5. Chiều dài ≥ 280mm.	Việt Nam	ISO 13485, ISO 10282	Đôi	80.000
40	Túi đo lượng máu sau sinh	Kích thước: 70cm x 105 cm.		ISO 13485	Cái	4.500
41	Túi đựng nước tiểu	Chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Thể tích 2000 ml. Có quai treo, có vạch dung tích mỗi 100ml. Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược.		ISO 13485	Cái	7.000
42	Lọ đựng nước tiểu	Lọ nhựa PS, trắng trong, dung tích ≥ 50ml, có nhãn, có nắp.		ISO 13485	Lọ	20.000
43	Ống nghiệm EDTA K2	Ống nghiệm làm bằng nhựa PP, chứa chất kháng đông EDTA K2. Kích thước ống: ≥ Ø12mm x75mm.		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Ống	75.000
44	Ống nghiệm heparin	Ống nghiệm làm bằng nhựa PP, chứa chất kháng đông heparin. Kích thước ống: ≥ Ø12mm x75mm.		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Ống	40.000

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
45	Ống nghiệm Tri-Na Citrat	Ống nghiệm làm bằng nhựa PP, chứa Sodium Citrat nồng độ 3,8%. Kích thước ≥ Ø12mm x75mm.		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Ống	20.000
46	Ống nghiệm nhựa có nắp	Ống nghiệm làm bằng nhựa PP, không chứa hoá chất. Kích thước ≥ Ø12mm x75mm		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Ống	3.000
IV	**ỐNG THÔNG, ỐNG DẪN LƯU, ỐNG NỐI, DÂY NỐI, CHẠC NỐI, CATHERTER**					
47	Dây oxy 2 nhánh người lớn	Dây thở oxy hai nhánh, trong suốt, dùng cho người lớn, ngạnh cong. Ống thông mềm, chiều dài ≥ 1.8m, được làm từ nhựa PVC mềm.		ISO 13485, CE	Sợi	6.000
48	Dây Oxy 2 nhánh trẻ em	Dây thở oxy hai nhánh, trong suốt, dùng cho trẻ em. Ống thông mềm, chiều dài ≥ 1.8m, được làm từ nhựa PVC mềm.		ISO 13485, CE	Sợi	3.000
49	Thông (Sonde) tiểu 1 nhánh (các số)	Các số: 12, 14, 16. Thông tiểu 1 nhánh, làm bằng cao su thiên nhiên được phủ silicon.		ISO 13485	Sợi	6.000
50	Thông (Sonde) tiểu 2 nhánh số 8	Số 8. Thông tiểu 2 nhánh, làm bằng cao su thiên nhiên được phủ silicon cho mềm mại. Chiều dài dây ≥ 30cm .		ISO 13485	Sợi	200

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
51	Thông (Sonde) tiểu 2 nhánh (từ số 12 đến số 20)	Các số: 12, 14, 16, 18, 20. Thông tiểu 2 nhánh, làm bằng cao su thiên nhiên được phủ silicon cho mềm mại. Chiều dài dây ≥ 40cm.		ISO 13485	Sợi	10.000
52	Thông (Sonde) tiểu 2 nhánh số 30	Thông tiểu 2 nhánh, làm bằng cao su thiên nhiên được phủ silicon cho mềm mại. Chiều dài dây ≥ 40cm. Số 30.		ISO 13485	Sợi	60
53	Ống đặt nội khí quản có bóng (Từ số 3 đến số 7)	Từ số 3 đến số 7. Nội khí quản cong miệng bóng tròn, mềm dẻo. Có sợi cản quang. Không chất gây sốt.		ISO 13485	Ống	2.000
54	Ống đặt nội khí quản không bóng (Từ số 3 đến số 4)	Từ số 3 đến số 4. Nội khí quản không bóng mềm dẻo. Có sợi cản quang. Không chất gây sốt.		ISO 13485	Ống	200
55	Airway các số	Số 0 (60mm), số 1 (70mm), số 2 (80mm), số 3 (90mm), số 4 (100mm).		ISO 13485	Cái	10
56	Dây hút nhớt có van	Dây hút nhớt có van kiểm soát. Các số: 6,8,10,12,14.		ISO 13485	Sợi	6.800
57	Ống thông dạ dày có nắp	Ống thông dạ dày có nắp các số 6, 8, 10. Dây dài ≥ 500mm.		ISO 13485	Sợi	2.000

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
58	Ống thông dạ dày không nắp	Ống thông dạ dày không nắp các số 12, 14, 16. Dây dài ≥ 500mm.		ISO 13485	Sợi	600
59	Bộ hút điều hòa kinh nguyệt	Bộ gồm: 01 bộ Xi lanh và piston; ≥ 02 ống hút (số 6, số 7); 01 gel bôi trơn.		ISO 13485	Bộ	560
60	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường	Dùng đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường. Sử dụng được cho máy Nihon Kohden BSM-3562.		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Bộ	100
61	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng trẻ em số 4Fr	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng: - Catheter bằng chất liệu Tecothane (polyurethane) tương thích sinh học và chống huyết khối, đường kính ngoài 4F, dài 8cm, kích cỡ nòng (22G,22G), - Dây dẫn (Guildwire) đầu J linh hoạt 0.021'' x 50 cm, chất liệu thép không gỉ chống axit với lõi nitinol - Kim thẳng dẫn đường 20G x 4.5 cm - Kim nong (dilator) 5F – 6 cm - Bơm tiêm 5cc, dao mổ Vô trùng EO. Không DEHP. Không Latex		ISO 13485	Bộ	120
62	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng trẻ em số 5Fr	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng: - Catheter bằng chất liệu Tecothane (polyurethane) tương thích sinh học và chống huyết khối, đường kính ngoài 5F, dài 13 cm, kích cỡ nòng (18G,20G), - Dây dẫn (Guildwire) đầu J linh hoạt 0.021'' x 50 cm, chất liệu thép không gỉ chống axit với lõi nitinol - Kim thẳng dẫn đường 20G x 4.5 cm - Kim nong (dilator) 6F – 6 cm - Bơm tiêm 5cc, dao mổ Vô trùng EO. Không DEHP. Không Latex		ISO 13485	Bộ	72

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
V	**NHÓM KIM KHÂU, CHỈ KHÂU, DAO CÁC LOẠI**					
5.1	**Nhóm chỉ khâu**					
63	Chỉ tan chậm tự nhiên số 1	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic) số 1, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C, dài ≥ 26 mm bằng vật liệu hợp kim AISI 300 series.		ISO 13485	Tép	800
64	Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic) số 2/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C, dài ≥ 30 mm bằng vật liệu hợp kim AISI 300 series.		ISO 13485	Tép	9.000
65	Chỉ Polyglactin 910 số 2/0 tan nhanh, kim tròn	Chỉ tan nhanh đa sợi được làm từ Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate, số 2/0, dài ≥ 90cm, kim tròn 1/2C dài ≥ 35mm, kim bằng hợp kim thép chống cong gãy, có chứa: niken, titan, chromium, molypden, Ferric, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Giữ vết khâu tốt trong vòng 7 đến 10 ngày. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu/FDA	Tép	14.000
66	Chỉ Polyglactin 910 số 3/0, kim tam giác	Chỉ tan nhanh đa sợi được làm từ Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate, số 3/0, dài ≥ 75cm, kim tam giác 3/8C dài ≥ 26 mm, kim bằng hợp kim thép chống cong gãy, có chứa: niken, titan, chromium, molypden, Ferric, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Giữ vết khâu tốt trong vòng 7 đến 10 ngày. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu/FDA	Tép	3.500
67	Chỉ Polyglactin 910 số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0 sợi chỉ dài ≥ 75cm, kim tròn đầu tròn, 1/2C, dài ≥ 20 mm. bằng vật liệu hợp kim AISI 300 series, tỷ lệ chrome từ 16-18%, phủ silicone.		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Tép	400

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
68	Chỉ Polyglactin 910 số 5/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 5/0 sợi chỉ dài ≥ 75cm, kim tròn đầu tròn, 1/2C, dài ≥ 16 mm, bằng vật liệu hợp kim AISI 300 series, tỷ lệ chrome từ 16-18%, phủ silicone. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Tép	100
69	Chỉ Polyglactin 910 số 6/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, sợi chỉ dài ≥ 45cm, kim tròn đầu tròn, 1/2C, dài ≥ 13 mm. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Tép	150
70	Chỉ Polyglycolic acid số 1	Chỉ tan đa sợi được làm từ Polyglycolic acid số 1, sợi chỉ dài ≥ 90cm, kim tròn 1/2C dài ≥ 40 mm. Kim làm bằng vật liệu hợp kim AISI 300 series, tỷ lệ chrome từ 16-18%, phủ silicone		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Tép	12.000
71	Chỉ Polyglycolic acid số 2/0	Chỉ tan đa sợi được làm từ Polyglycolic acid, số 2/0, sợi chỉ dài ≥ 75cm, kim tròn 1/2C, chiều dài kim ≥ 25mm. bằng vật liệu hợp kim AISI 300 series, tỷ lệ chrome từ 16-18%, phủ silicone.		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Tép	500
72	Chỉ Polyglycolic acid số 3/0	Chỉ tan đa sợi được làm từ Polyglycolic acid, số 3/0, sợi chỉ dài ≥ 75cm, kim tròn 1/2C, chiều dài kim ≥ 25mm, bằng vật liệu hợp kim AISI 300 series, tỷ lệ chrome từ 16-18%, phủ silicone.		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Tép	300
73	Chỉ Polydioxanone số 5/0	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 17mm, 1/2 vòng tròn, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày.		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Tép	60

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
74	Chỉ Polydioxanone số 7/0	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi Polydioxanone (chỉ PDS hoặc chỉ PDO) số 7/0 dài ≥45 cm, 2 kim tròn, 3/8C, chiều dài kim 12 mm ± 2mm , kim bằng hợp kim Ethalloy, được phủ silicone. Lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày.		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Tép	24
75	Chỉ không tan tổng hợp (nylon) số 2/0 kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide (Nylon) số 2/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm. Kim tam giác 3/8C, bằng vật liệu hợp kim AISI 300 series, tỷ lệ chrome từ 16-18%. Phủ silicone, chiều dài kim từ 20 mm đến 26 mm.		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn Châu Âu	Tép	200
76	Chỉ không tan tổng hợp (nylon) số 3/0 kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide (Nylon) số 3/0, sợi chỉ dài ≥ 70 cm. Kim tam giác 3/8C, chiều dài kim trong khoảng từ 22 mm đến 26 mm, kim làm bằng hợp kim thép có chứa Niken, Titanium, Chromium, Molypden và Ferric, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa (có chứng nhận bởi tổ chức độc lập), được phủ bởi lớp silicone		ISO 13485	Tép	7.000
77	Chỉ không tan tổng hợp (nylon) số 4/0 kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide (Nylon) số 4/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm. Kim tam giác 3/8C, bằng vật liệu hợp kim AISI 300 series, tỷ lệ chrome từ 16-18%. Phủ silicone, chiều dài kim từ 18 mm đến 21 mm.		ISO 13485	Tép	1.000
78	Chỉ không tan tổng hợp (nylon) số 5/0 kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide (Nylon) số 5/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8C, bằng vật liệu hợp kim AISI 300 series, tỷ lệ chrome từ 16-18%, chiều dài kim từ 15 mm đến 20 mm.		ISO 13485	Tép	430
79	Chỉ polypropylene số 2/0, 2 kim tròn	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi làm từ polypropylene số 2/0, sợi chỉ dài ≥ 90cm, 2 kim tròn, 1/2C, dài ≥ 25mm, kim bằng vật liệu hợp kim AISI 300 series, tỷ lệ chrome từ 16-18%.		ISO 13485	Tép	60
80	Chỉ khâu hở eo cổ tử cung	Chỉ khâu hở eo cổ tử cung không tiêu tổng hợp bằng Polyester dài ≥ 40cm, dày 5mm. 2 kim tròn đầu tròn thân dầy dài 48mm, độ cong của kim 1/2 vòng tròn. Kim cấu tạo từ hợp kim thép không gỉ gồm: Niken, Titan, Crom, Molipden, Ferric.		ISO 13485 và CE theo tiêu chuẩn	Tép	48

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
				Châu Âu/FDA		
5.2	**Nhóm dao phẫu thuật**					
81	Lưỡi dao mổ (các số)	Được làm bằng thép carbon. Gồm các số: số 10, số 11, số 15.		ISO 13485	Cái	6.000
82	Tay dao mổ điện	Tay dao mổ điện dùng được cho nhiều loại dao mổ điện cao tần. Chiều dài dây ≥ 3m. Kiểu giắc cắm: giắc dẹt 3 chân tròn. Nút bấm tay dao: 2 nút.		ISO 13485	Cái	720
VI	**PHIM X-QUANG CÁC LOẠI**					
83	Phim X quang nha khoa 3cm x 4 cm	Phim và nước rửa được đựng trong túi nhựa. Kích thước phim: 3cm x 4 cm.		ISO 13485	Tấm	200
VII	**NHÓM CHẤN THƯƠNG, CHỈNH HÌNH**					
84	Đai xương đòn	Cố định xương		ISO 13485	Cái	10

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
85	Đai cố định khớp vai (Áo Desault)	Chất liệu: Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khoá Velcro		ISO 13485	Cái	10
86	Nẹp bản rộng (xương đùi) Từ 6 đến 10 lỗ	Chất liệu thép không gỉ. Nẹp rộng 16mm, dày trong khoảng từ 5.0mm đến 5.4mm, dài từ 103 đến 167mm. Từ 6 đến 10 lỗ. Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống tuôn, Nẹp được dùng với vít 4.5mm. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde.		ISO 13485	Cái	10
87	Vít xương cứng đường kính 3.5mm dài các cỡ	Đường kính vít 3.5mm. Dài từ 30mm đến 40mm. Chất liệu thép không gỉ. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde.		ISO 13485	Cái	100
88	Vít xương cứng đường kính 4.5mm dài các cỡ	Đường kính vít 4.5mm. Dài từ 40mm đến 60mm. Chất liệu thép không gỉ. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde.		ISO 13485	Cái	140
89	Đinh Kít-ne đường kính từ 1,2mm đến 2,2mm	Đường kính: 1,2 mm; 1,4mm; 1,6mm; 1,8mm; 2,0mm; 2,2 mm, chiều dài của đinh trong khoảng từ 290mm đến 320 mm, một đầu nhọn, chất liệu thép không gỉ.		ISO 13485	Cái	200
VIII	**NHÓM GIẤY IN**					
90	Giấy in nhiệt cho máy thử nước tiểu	Kích thước: 57mm x 30m. Dùng cho máy in nhiệt nước tiểu		ISO 13485	Cuộn	60
91	Giấy Monitor sản khoa (150mm x 90mm)	Giấy monitor sản khoa sử dụng được cho máy Bistos. Kích thước: 150mm x 90mm, dày 16mm (khoảng 150 tờ)		ISO 13485	Tập	100

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
92	Giấy monitor sản khoa (142mm x 150mm x 300 tờ)	Giấy in nhiệt không đường kẻ, tương thích với máy monitor sản khoa Sonicaid Team 3. Kích thước: 142mm x 150mm x 300 tờ.		ISO 13485	Tập	562
93	Giấy siêu âm (110mm x 20m)	110mm x 20m.		ISO 13485	Cuộn	700
IX	**VẬT TƯ DÙNG CHO GIẢI PHẪU BỆNH**					
94	Khuôn chứa mẫu bệnh phẩm (Casset)	Nắp gập được bẻ nhẹ nhàng không tạo cạnh gồ ghề. Lỗ dạng khe, loại lỗ lớn và cả lỗ nhỏ		ISO 13485	Cái	4.000
95	Lamen 22mm x 40mm	Kích thước 22mm x 40mm, Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang.		ISO 9001	Cái	5.000
96	Dao cắt lát vi thể	Dùng cắt lát vi thể giải phẫu bệnh. Vật liệu: thép không rỉ. Độ dài: 80mm. Chiều cao: 8mm. Góc nghiêng 35 độ.		ISO 13485	Cái	100
97	Lưỡi dao cắt lọc đại thể	Dùng cắt mẫu giải phẫu bệnh. Vật liệu làm bằng thép. Lưỡi dao dài 130mm.		ISO 13485	Cái	50
X	**NHÓM VẬT TƯ DÙNG TRONG CHẨN ĐOÁN, ĐIỀU TRỊ KHÁC**					
10.1	**Mặt nạ (Mask) các loại, các cỡ)**					

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
98	Mặt nạ xông khí dung người lớn, Trẻ em, sơ sinh	Làm bằng nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng. Có kẹp mũi loại điều chỉnh được. Mặt nạ có dây đeo. Có cốc đựng thuốc. Ống thở dài ≥ 2m. Kích thước: S, M, L. Đóng gói riêng trong túi PE.		ISO 13485	Bộ	6.000
99	Mặt nạ gây mê (các số)	Mask gây mê có đủ kích cỡ: 0,1,2,3,4. Chất liệu nhựa PVC y tế, không gây kích ứng. Phù hợp, dễ thao tác khi sử dụng và tương thích với các thủ thuật và thiết bị của các bệnh viện.		ISO 13485	Cái	100
100	Mặt nạ Oxy nồng độ cao trẻ em	Mặt nạ thở oxy có túi gồm: dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. Làm từ nhựa PVC nguyên sinh. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2m. Các cỡ dành cho trẻ em.		ISO 13485	Bộ	300
101	Mặt nạ Oxy nồng độ cao người lớn	Mặt nạ thở oxy có túi gồm: dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. Làm từ nhựa PVC nguyên sinh. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2m. Các cỡ M, L, XL dành cho người lớn.		ISO 13485	Bộ	100
10.2	**Vật tư cho xét nghiệm**					
102	Đầu cole vàng	Thể tích 200 µl.		ISO 13485	Cái	72.000
103	Đầu cole xanh	Thể tích 1000 µl.		ISO 13485	Cái	6.000
104	Đĩa petri nhựa	Môi trường nuôi cấy vi sinh sử dụng 1 lần. Chất liệu polystyrene trong suốt. Hộp tròn có nắp, đường kính 90 mm, tiệt trùng.		ISO 13485	Cái	2.000
105	Lam kính nhám	Lam kính làm bằng thủy tinh, hình chữ nhật, bề mặt trơn láng. Phần đầu được làm nhám. Kích thước: 25,4mm x 76,2mm; độ dày: 1,0 – 1,2mm.		ISO 13485	Cái	36.288

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
106	Lamen 22mm x 22mm	Kích thước: 22mm x 22mm. Được làm bằng thuỷ tinh. Bề dày 0,13 - 0,17mm.		ISO 13485	Cái	12.000
107	Ống đo tốc độ máu lắng	Ống thủy tinh chân không 8x120 mm chứa 0.32 mL chất chống đông Natri citrate (3.2%). Thể tích mẫu 1.28mL. Nắp cao su butyl đen. Sử dụng được cho máy đo tốc độ máu lắng Mix-Rate X20.		ISO 13485	Ống	100
108	Pipet nhựa 5ml	Pipet bằng nhựa		ISO 13485	Cái	500
109	Túi lấy máu (túi đơn) 250ml	Dung tích 250ml để đựng máu toàn phần. Túi chứa 35ml dung dịch chống đông CPDA -1 để bảo quản máu toàn phần tới 35 ngày ở 4 độ C±2 độ C. Trong 100 ml dung dịch CPDA-1 có: Citric Acid (anhydrous) 0,299 g; Sodium Citrate (dihydrate) 2,63 g; Monobasic Sodium Phosphate (monohydrate) 0,222 g; Dextrose (monohydrate) 3,19 g; Adenine 0,0275 g. - Ống dây lấy máu dài 980 ± 40 mm, có 12 đoạn mã trên ống, có kẹp Polycetal ép phun. Dây lấy máu có đường kính ngoài 4.4 ± 0.1 mm và đường kính trong 3.0± 0.1mm. Dãy số ký hiệu trên tất cả dây lấy máu được khắc bằng laser để tránh vuốt dây túi máu bị mờ - Sức bền của túi: Sức bền ly tâm là 5.000g trong 10 phút		ISO 13485	Túi	400
110	Túi lấy máu (túi đôi) 250ml	Bao gồm 02 túi, thể tích mỗi túi 250ml và có kích thước 130mm. Túi 1: có 35ml dung dịch chống đông CPDA-1 (trong 100ml CPDA-1 chứa: Citric Acid (Anhydr.): 0,299g; Sodium Citrate (Dihydr.): 2,63g, Monobasic Sodium Phosphate (Monohydr.): 0,222g, Dextrose (Monohydrate): 3,19g); Adenine 0,0275 g. Túi 2: túi chuyển - Ống dây lấy máu dài 980 ± 40 mm, có 12 đoạn mã trên ống, có kẹp Polycetal ép phun. Dây lấy máu có đường kính ngoài 4.4 ± 0.1 mm và đường kính trong 3.0± 0.1mm. - Ống chuyển có chiều dài 540 ± 25 mm.		ISO 13485	Túi	300

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
111	Ống ly tâm dung tích 1,5 ml	Ống ly tâm được sản xuất từ nhựa PP siêu tinh khiết (ultra-clear polypropylene). Chịu được ăn mòn hóa học và làm việc ở điều kiện nhiệt độ từ -80ºC đến 121ºC mà không bị biến dạng. Ổn định dưới tốc độ máy ly tâm cao, tối đa 15000 vòng / phút. Dung tích: 1,5ml		ISO 13485	Cái	2.000
10.3	**Vật tư dùng trong chẩn đoán điều trị khác**					
112	Băng keo chỉ nhiệt hấp ướt	Kích thước≥ 1,2 cm x 50m. Gồm lớp keo dính, băng nền và vạch chỉ thị hóa học.		ISO 13485	Cuộn	475
113	Đè lưỡi gỗ	Que làm từ gỗ tự nhiên. Que được bo tròn hai đầu, nhẵn bóng, không nứt, không bị bẩn. Được tiệt trùng bằng khí E.O. Kích thước: Dài 150mm (± 2mm) x rộng 20mm (± 2mm) x dày 2mm (± 0,5 mm)		ISO 13485	Cái	48.700
114	Miếng dán điện cực tim	Miếng dán điện cực tim		ISO 13485	Cái	500
115	Túi Camera mổ nội soi vô trùng	Chất liệu màng nhựa PE, hai vòng nhựa PP chính phẩm được ép vào nhau. Kích thước: Ø15cm, chiều dài ≥ 230cm. Vô trùng 1 túi/1 cái.		ISO 13485	Túi	700
116	Lọc khuẩn cho máy thở 3 chức năng	Lọc khuẩn cho máy thở loại 3 chức năng. Sản phẩm làm bằng nhựa nguyên sinh và các vật liệu đạt cấp độ y tế , không latex, không chứa DEHP. Tiệt trùng bằng EO		ISO 13485	Cái	200
117	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh.		ISO 13485	Cái	10.000

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Hãng sản xuất	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
118	Ống mao dẫn Haematokrit	Ống mao dẫn Haematokrit có chứa Heparin. 75mm/75µl. Lọ 100 ống		ISO 13485	Lọ	30
119	Bao cao su	Bao cao su trơn		ISO 13485	Cái	14.000
120	Chổi phết tế bào âm đạo	Thu mẫu tế bào cổ tử cung, Các sợi lông mềm và bán tròn		ISO 13485	Cái	200
121	Vòng đeo tay bệnh nhân người lớn	Nội dung của vòng gồm có: họ và tên của mẹ, giới tính trẻ và ngày giờ sinh của trẻ, chẩn đoán. Chất liệu: PVC. Màu xanh dương, màu hồng		ISO 13485	Cái	15.000
122	Vòng đeo tay trẻ em	Nội dung của vòng gồm có: họ và tên của mẹ, giới tính trẻ và ngày giờ sinh của trẻ, chẩn đoán. Chất liệu: PVC. Màu xanh dương, màu hồng		ISO 13485	Cái	30.000
123	Nút chặn đuôi kim luồn	Nút chặn đuôi kim luồn loại có cổng tiêm thuốc. Màu trong suốt cho phép quan sát tình trạng máu chảy ngược. Có lớp màng tiêm dễ dàng cho phép đầu kim xuyên qua, hỗ trợ tiêm thuốc hoặc lấy mẫu máu mà không làm máu tràn ra ngoài		ISO 13485	Cái	6.000
124	Que thử thai	Que thử thai dùng 1 lần		ISO 13485	Cái	6.000
125	Túi chứa oxy	Túi đựng oxy y tế. Thể tích chứa ≥ 40 lít		ISO 13485	Cái	30
	Tổng cộng: 125 khoản					

Phụ lục 2

Mẫu báo giá

BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk, chúng *tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các vật tư như sau:

1. Báo giá cho các vật tư và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục vật tư[2]	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất, tiêu chuẩn kĩ thuật[3]	Mã HS[4]	Năm sản xuất[5]	Xuất xứ[6]	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng[7]	Đơn giá[8] (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan[9] (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)[10] (VND)	Thành tiền[11] (VND)
1	Vật tư A										
2	Vật tư B										
n	…										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hóa chất)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày],* kể từ ngày ... tháng... năm. *..[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].*

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hóa chất nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp[12]

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hóa chất theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục hóa chất" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, tiêu chuẩn kĩ thuật của hóa chất tương ứng với chủng loại hóa chất ghi tại cột "Danh mục hóa chất".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng hóa chất.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ, hãng sản xuất của hóa chất.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hóa chất.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng hóa chất hoặc toàn bộ hóa chất; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng hóa chất hoặc toàn bộ hóa chất. Đối với các hóa chất nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và

các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của hóa chất.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hóa chất. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hóa chất (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.